

Số: ~~1081~~ /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày ~~24~~ tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2019-2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 63/TTr-VPĐP ngày 03/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2019-2020.

- Bộ tiêu chí là căn cứ để xây dựng và thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá công nhận thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới, là cơ sở để xét xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các sở, ban ngành

1. Các sở, ban ngành căn cứ các Quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và Quyết định này hướng dẫn cụ thể từng tiêu chí, chỉ tiêu cho phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2. Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh theo dõi, kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh để tháo gỡ kịp thời.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng điều phối NTM Trung ương;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, KT;
- Lưu: VT (Th qđ 24-019). ५


Nguyễn Anh Minh

QUY ĐỊNH

Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2019-2020.

2. Đối tượng áp dụng

- 27 thôn, ấp thuộc 03 xã: Phước Thiện, Đắc O, Lộc Thành của 03 huyện biên giới: Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh theo Phụ lục I - Danh sách các xã khó khăn dưới 10 tiêu chí khu vực biên giới ban hành kèm theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặt biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018-2020.

- Thôn, ấp đặc biệt khó khăn còn lại thuộc các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2016-2020”.

- Khuyến khích các thôn, ấp còn lại áp dụng thực hiện quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đăng ký, xét, công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch; tránh hình thức, chạy theo thành tích; đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các thôn, ấp sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng thôn, ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) xét, công nhận và công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 4. Điều kiện xét, công nhận

Thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo các điều kiện:

- Có đăng ký thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới, được UBND cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã), UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;
- Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn thôn, ấp đạt chuẩn theo quy định.

Chương II

TIÊU CHÍ THÔN, ẤP ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 5. Tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới:

I. QUY HOẠCH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp	
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại
1	Quy hoạch	1.1. Thôn, ấp xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, ấp phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt	
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, ấp cần phải được quy hoạch và xác định được quỹ đất để thực hiện	Đạt	

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp	
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại
2	Giao thông	2.1. Đường trục thôn, ấp và đường liên thôn, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	>=70%	>=85%
		2.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	>=50%	>=75%
		2.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	>=70%	>=85%
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, ấp đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt	
4	Điện	4.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$ 4.2. Tỷ lệ đường được chiếu sáng (trên số km đường nhựa, đường BTXM của thôn, ấp) $\geq 7\%$	Đạt	

5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, ấp có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, ấp phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, ấp phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, ấp đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn là thôn, ấp đảm bảo có ít nhất 01 cơ sở kinh doanh hàng tiêu dùng thiết yếu đáp ứng nhu cầu của người dân	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Thôn, ấp được đáp ứng nhu cầu sử dụng - Một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng điện cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất - Một trong hai loại dịch vụ truy cập internet: Băng rộng cố định mặt đất hoặc internet trên mạng viễn thông di động mặt đất	Đạt
		8.2. Có trạm truyền thanh cơ sở đạt tiêu chuẩn quy định, cụ thể: Tiếp được sóng truyền thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Phước, Đài Truyền thanh huyện, Đài Truyền thanh xã đáp ứng mục tiêu thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới tất cả các hộ gia đình trong thôn, ấp	Đạt
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	9.1. Trong thôn, ấp không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, ấp phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm	Đạt

		bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m ² /người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,... được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện; kiến trúc, mẫu nhà phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc; khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống theo đặc thù của từng dân tộc		
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, hợp lý. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân	Đạt	
		9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp	Đạt	
		9.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	≥ 85%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp	
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	Năm 2019: 38 triệu đồng Năm 2020: 41 triệu đồng	Năm 2019: 46 triệu đồng Năm 2020: 50 triệu đồng
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Năm 2019 ≤ 8 % Năm 2020 ≤ 7 %	Năm 2019 ≤ 5 % Năm 2020 ≤ 4 %
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, ấp	≥ 90%	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có Tổ hợp tác hoặc câu lạc bộ được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt	
		13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn	Đạt	

		với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, ấp theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	
--	--	---	--

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp	
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:		
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:		
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	≥ 90%
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	≥ 75%	≥ 85%
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:		
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	≥ 90%
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 60%	≥ 80%
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 70%	≥ 90%
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, ấp được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%	
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, ấp có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, ấp tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 90%	
		15.2. Thôn, ấp có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%	
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, ấp bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 30%	
16	Văn hóa	Thôn, ấp phải được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch	

		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, ấp đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%	
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, ấp; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	
		17.4. Các hộ gia đình trong thôn, ấp tự thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt. Không còn tình trạng rác thải vứt xả bừa bãi, nước thải ra môi trường	Đạt	
		17.5. Về nghĩa trang, khu vực chôn cất của thôn, ấp: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách từ nghĩa trang đến khu dân cư trong thôn, ấp tối thiểu là 500 m; trường hợp nghĩa trang của thôn, ấp đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 500 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa trang có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	≥ 60%	≥ 80%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.	≥ 50%	≥ 70%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%
		17.9. Thôn, ấp có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”	Đạt	

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp	
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại
18	Hệ thống chính trị, bình đẳng giới	18.1. Chi bộ và các đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	
		18.2. Có Ban phát triển thôn, ấp hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt	
		18.3. Có quy ước, hương ước thôn, ấp được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và cam kết thực hiện	Đạt	
		18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, ấp; các nguồn nội lực của thôn, ấp; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)	Đạt	
		18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong thôn, ấp không có bạo lực gia đình	Đạt	
		18.6. Nhân dân thôn, ấp được tiếp cận pháp luật	Đạt	
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	
		19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, ấp bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giám so với năm trước;	Đạt	



		Công an viên, lực lượng an ninh thôn, áp được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, áp hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	
--	--	--	--

Chương III

QUY TRÌNH XÉT CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ THÔN, ÁP ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 6. Đăng ký thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới

- Trước ngày 10/10 của năm liền kề trước năm đánh giá, Ban phát triển thôn, áp có văn bản đăng ký phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới báo cáo UBND cấp xã (theo mẫu số 01 tại phần Phụ lục ban hành kèm Quy định này) kèm theo phương án (kế hoạch) xây dựng thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

- UBND cấp xã kiểm tra và có văn bản (theo mẫu số 02 tại phần Phụ lục ban hành kèm Quy định này) đề nghị UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn, áp đạt từ 10 tiêu chí trở lên và có đủ điều kiện phân đấu đạt chuẩn trong năm đăng ký.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã), UBND cấp huyện có văn bản trả lời UBND cấp xã, Ban phát triển thôn, áp về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới (nêu rõ lý do đối với thôn, áp chưa được đưa vào kế hoạch).

Điều 7: Trình tự, thủ tục xét và công nhận

1. Trình tự, thủ tục xét công nhận, công bố thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới gồm các bước:

a) Ban phát triển thôn, áp tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, áp nông thôn mới.

b) UBND cấp xã tổ chức thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện đề nghị xét công nhận thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới.

c) UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, áp nông thôn mới:

a) Tổ chức tự đánh giá:

UBND cấp xã hướng dẫn Ban phát triển thôn, áp tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí thôn, áp nông thôn mới và báo cáo Ban Chỉ đạo cấp xã (nếu có) và UBND cấp xã.

b) Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn, áp đăng ký:

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn, ấp nông thôn mới sẽ được thông báo, công khai tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng và trên hệ thống loa đài truyền thanh thôn, ấp trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến tham gia của người dân.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng thôn, ấp nông thôn mới, tổng hợp, báo cáo kết quả gửi về UBND cấp xã.

- Ban Công tác Mặt trận thôn, ấp tổ chức họp thôn, ấp để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới, yêu cầu cuộc họp phải có từ 50% trở lên đại diện hộ dân trong thôn, ấp tham dự, lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

- UBND cấp xã hướng dẫn Ban phát triển thôn, ấp hoàn thiện báo cáo theo ý kiến tham gia của người dân và hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khi tỷ lệ ý kiến thống nhất của các hộ dân tại cuộc họp thôn do Ban Công tác Mặt trận thôn, ấp tổ chức phải đạt tỷ lệ 70% trở lên trình Ban Chỉ đạo cấp xã (nếu có) và UBND cấp xã.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn, gồm:

+ Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn, ấp (bản chính, theo mẫu 05 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

+ Biên bản họp thôn, ấp (theo mẫu 08 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

+ Các văn bản chứng minh đánh giá đạt tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới theo hướng dẫn của UBND cấp xã (có xác nhận của trưởng thôn, ấp).

3. Tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới:

a) Tổ chức thẩm tra:

UBND cấp xã quyết định thành lập Tổ thẩm tra (gồm lãnh đạo UBND cấp xã, cán bộ phụ trách nông thôn mới, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các tiêu chí và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng thôn, ấp nông thôn mới; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm tra gửi về bộ phận tổng hợp (là cán bộ phụ trách nông thôn mới cấp xã) để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp xã, UBND cấp xã.

b) Tổ chức lấy ý kiến:

UBND cấp xã tổng hợp danh sách các thôn, ấp đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, công bố trên hệ thống truyền thanh xã trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

- UBND cấp xã tổ chức họp (gồm Tổ thẩm tra tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới) để lấy ý kiến thống nhất danh sách từng thôn, ấp được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt; UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận từng thôn, ấp đạt

chuẩn nông thôn mới khi có ít nhất 90% đại biểu dự họp thống nhất, trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới, gồm:

+ Tờ trình của UBND cấp xã về việc đề nghị xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo mẫu 03 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

+ Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới (bản chính, theo mẫu 06 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

+ Biên bản họp của UBND cấp xã (theo mẫu 09 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

(Kèm theo hồ sơ của thôn, ấp được quy định tại mục c, khoản 2, Điều 7 của Quy định này).

4. Tổ chức thẩm định, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới

a) Tổ chức thẩm định

UBND cấp huyện quyết định thành lập Đoàn thẩm định thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn từng thôn, ấp được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn; các thành viên Đoàn thẩm định theo tiêu chí được giao phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm định gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định để báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và UBND cấp huyện.

b) Tổ chức xét, công nhận

Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các huyện tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo, Đoàn thẩm định cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện) để thảo luận, bỏ phiếu kín lấy ý kiến thống nhất việc đề nghị công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới cho từng thôn, ấp (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt), Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới để trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định khi có ít nhất 90% đại biểu dự họp bỏ phiếu thống nhất.

c) Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới, gồm:

- Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện về việc đề nghị công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo mẫu 04 tại phần Phụ Lục).

- Biên bản họp xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện (bản chính, theo mẫu 10 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới (bản chính, theo mẫu 07 tại phần Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

(kèm theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp xã được quy định tại mục c, khoản 3, Điều 7 của Quy định này).

Điều 8. Tổ chức công bố

- Chủ tịch UBND các huyện công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên đài truyền thanh, trang thông tin điện tử của cấp huyện.

- Lễ công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới do UBND cấp xã thực hiện trên địa bàn thôn, ấp được công nhận, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương. Thời hạn tổ chức công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới là 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định công nhận.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

- Kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn thôn, ấp thực hiện tiêu chí nông thôn mới và trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện, UBND các huyện

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương hoàn thành các tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới do ngành quản lý và địa bàn phụ trách xây dựng nông thôn mới được phân công.

- Lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên hỗ trợ các thôn, ấp có đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch từng năm.

3. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, UBND cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện:

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các huyện: Chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cấp xã tổ chức triển khai thực hiện xây dựng thôn, ấp nông thôn mới; phân công nhiệm vụ cho các ban, ngành thành viên phụ trách các thôn, ấp trên địa bàn huyện; chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng thôn, ấp nông thôn mới.

- UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách thôn, ấp phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các thôn, ấp; định kỳ hàng năm báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban chuyên môn (phụ trách tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới) có trách nhiệm chủ động phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức thực hiện và tham gia thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện: Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định danh sách thôn, ấp đăng ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới và cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng thôn, ấp nông thôn mới; phối hợp với các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện, tham mưu cho Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và UBND cấp huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả việc xây dựng thôn, ấp nông thôn mới trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tổ chức thẩm định, hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

- Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định đó.

4. Trách nhiệm của UBND cấp xã: Đăng ký danh sách thôn, ấp phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới với Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, UBND cấp huyện; huy động các nguồn lực hỗ trợ thôn, ấp xây dựng nông thôn mới; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện và tổ chức thẩm tra mức độ đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới của các thôn, ấp trên địa bàn.

5. Trách nhiệm của Ban Phát triển thôn, ấp: Tổ chức họp dân để thống nhất đăng ký xây dựng thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới với UBND cấp xã; xây dựng phương án và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp xã; tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, ấp nông thôn mới.

6. Ban Công tác Mặt trận thôn, ấp: Tổ chức lấy ý kiến thống nhất của người dân đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương có văn bản gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC
CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN THÔN, ÁP ĐẠT CHUẨN NTM
(Kèm theo Quy định tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của
Chủ tịch UBND tỉnh

CÁC MẪU VĂN BẢN CHUNG

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....
THÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đăng ký “Thôn đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi: UBND

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện;

Tính đến tháng năm ..., thôn đã có:

.../19 tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định, gồm:

- Tiêu chí số về.....

- Tiêu chí số về.....

.....

.../19 tiêu chí đã đạt từ ... % đến%, gồm:

- Tiêu chí số về....., đạt% (nội dung chưa đạt:....., dự kiến thời gian hoàn thành.....).

- Tiêu chí số về....., đạt% (nội dung chưa đạt:....., dự kiến thời gian hoàn thành.....).

.....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ và khả năng thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, Ban Phát triển thôn ... đăng ký và cam kết thôn ... sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định ... trong năm ... để được công nhận “Thôn đạt chuẩn nông thôn mới” năm ...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, báo cáo UBND đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-....
V/v đăng ký “Thôn đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: UBND

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới của Ban Phát triển nông thôn mới các thôn ...

Tính đến tháng năm ..., xã có thôn đã đạt chuẩn theo quy định từ ... đến tiêu chí nông thôn mới và có đủ điều kiện phấn đấu thôn đạt chuẩn nông thôn mới trong năm gồm:

Thôn.....đạt/ (tổng số) tiêu chí, đạt%;

Thôn.....đạt/ (tổng số) tiêu chí, đạt%;

.....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ và khả năng thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn các thôn nêu trên, UBND đăng ký và cam kết thôn nêu trên sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Thôn đạt chuẩn nông thôn mới” năm ...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-UBND

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: UBND

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ Biên bản thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn của Đoàn thẩm tra tiêu chí thôn nông thôn mới;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới;

Xét đề nghị của Ban Phát triển thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm

UBND kính trình UBND thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm...

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Tờ trình của UBND về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới.

- Biên bản họp UBND

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của thôn.....

Kính đề nghị UBND xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-VPĐP

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Chủ tịch UBND

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-ĐTĐ ngày .../.../20... của Đoàn thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới về thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn ...;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20... của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới;

Xét đề nghị của UBND tại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm ...,

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện/thị xã/thành phố kính trình Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố ... xem xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của thôn.....

- Biên bản họp xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG

- Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới của UBND

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, quyết định thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm .../.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

CHÁNH VĂN PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....
THÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của thôn.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Về công tác tổ chức, triển khai

2. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn

3. Về Phát triển kinh tế - xã hội

- a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.
- c) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ: triệu đồng, chiếm%;

- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

VII. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Thôn, xã, huyện

(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm thôn)

I. QUY HOẠCH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
1	Quy hoạch	1.1. Thôn, ấp xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, ấp phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt			
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, ấp cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc	Đạt			

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
2	Giao thông	2.1. Đường trục thôn, ấp và đường liên thôn, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	>=70%	>=85%		
		2.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	>=50%	>=75%		
		2.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	>=70%	>=85%		
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, ấp đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt			
4	Điện	4.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$	Đạt			
		4.2. Tỷ lệ đường được chiếu sáng (trên số km đường nhựa, đường BTXM của thôn, ấp) $\geq 7\%$	Đạt			
5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, ấp có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại		
		công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng				
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, ấp phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, ấp phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, ấp đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn là thôn, ấp đảm bảo có ít nhất 01 cơ sở kinh doanh hàng tiêu dùng thiết yếu đáp ứng nhu cầu của người dân	Đạt			
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Thôn, ấp được đáp ứng nhu cầu sử dụng - Một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng điện cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất - Một trong hai loại dịch vụ truy cập internet: Băng rộng cố định mặt đất hoặc internet trên mạng viễn thông di động mặt đất	Đạt			
		8.2. Có trạm truyền thanh cơ sở đạt tiêu chuẩn quy định, cụ thể: Tiếp được sóng truyền thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh truyền hình và Báo Bình Phước, Đài truyền thanh huyện, Đài truyền thanh xã đáp ứng mục tiêu thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới tất cả các hộ gia đình trong thôn, ấp	Đạt			
9	Nhà ở và khuôn	9.1. Trong thôn, ấp không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, ấp phải đảm bảo 3 cứng	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
	viên hộ gia đình	(nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m ² /người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,...được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện; kiến trúc, mẫu nhà phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc; khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống theo đặc thù của từng dân tộc				
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, hợp lý. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân		Đạt		
		9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp		Đạt		
		9.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	≥ 85%		

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	Năm 2019: 38 triệu đồng Năm 2020: 41 triệu đồng	Năm 2019: 46 triệu đồng Năm 2020: 50 triệu đồng		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Năm 2019 ≤ 8 % Năm 2020 ≤ 7 %	Năm 2019 ≤ 5 % Năm 2020 ≤ 4 %		
12	Lao động có	Tỷ lệ người có việc làm	≥ 90%			

	việc làm	trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, ấp			
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có Tổ hợp tác hoặc câu lạc bộ được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt		
		13.2 Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, ấp theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt		

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:				
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:				
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	≥ 90%		
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	≥ 75%	≥ 85%		
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:				
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	≥ 90%		
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 60%	≥ 80%		
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 70%	≥ 90%		
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, ấp được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, ấp có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%			
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, ấp tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 90%			
		15.2. Thôn, ấp có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt			
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%			
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, ấp bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 30%			
16	Văn hóa	Thôn, ấp phải được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt			
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch			
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, ấp đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%			
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, ấp; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt			
		17.4. Các hộ gia đình trong thôn, ấp tự thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt. Không còn tình trạng rác thải vứt xả bừa bãi, nước thải ra môi trường	Đạt			
		17.5. Về nghĩa trang, khu vực chôn cất của thôn, ấp: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách từ nghĩa trang đến khu dân cư trong thôn, ấp tối thiểu là 500 m; trường hợp nghĩa	Đạt			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại		
		trang của thôn, ấp đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 500 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa trang có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường				
		17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	≥ 60%	≥ 80%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.	≥ 50%	≥ 70%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%		
		17.9. Thôn, ấp có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”	Đạt			

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại		
18	Hệ thống chính trị, bình đẳng giới	18.1. Chi bộ và các đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại		
		18.2. Có Ban phát triển thôn, ấp hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận		Đạt		
		18.3. Có quy ước, hương ước thôn, ấp được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và cam kết thực hiện		Đạt		
		18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2019-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, ấp; các nguồn nội lực của thôn, ấp; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)		Đạt		
		18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong thôn, ấp không có bạo lực gia đình		Đạt		
		18.6. Nhân dân thôn, ấp được tiếp cận pháp luật		Đạt		
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, ấp bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả thực hiện đến...	Kết quả tự đánh giá
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại		
		<p>tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giám so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, ấp được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, ấp hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.</p>				

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....
**TỔ THẨM TRA TIÊU CHÍ
THÔN NÔNG THÔN MỚI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
Và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới
của thôn**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, áp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, Tổ thẩm tra tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thăm tra so với yêu cầu của tiêu chí).
n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn đã được
UBND thăm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thăm tra
là:/19 tiêu chí, đạt%.

.....
(Kèm theo biểu kết quả thăm tra các tiêu chí NTM của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-;
-

TM. TỔ THĂM TRA

TỔ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Thôn, xã, huyện

(Kèm theo Biên bản thẩm tra kết quả xây dựng NTM năm thôn)

I. QUY HOẠCH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
1	Quy hoạch	1.1. Thôn, ấp xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, ấp phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt				
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, ấp cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc	Đạt				

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
2	Giao thông	2.1. Đường trục thôn, ấp và đường liên thôn, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$			
		2.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$			
		2.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, ấp đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt				
4	Điện	4.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$	Đạt				
		4.2. Tỷ lệ đường được chiếu sáng (trên số km đường nhựa, đường BTXM của thôn, ấp) $\geq 7\%$	Đạt				
5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, ấp có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt				
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, ấp phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, ấp phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt				
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, ấp đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		nông thôn là thôn, ấp đảm bảo có ít nhất 01 cơ sở kinh doanh hàng tiêu dùng thiết yếu đáp ứng nhu cầu của người dân					
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Thôn, ấp được đáp ứng nhu cầu sử dụng - Một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng điện cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất - Một trong hai loại dịch vụ truy cập internet: Băng rộng cố định mặt đất hoặc internet trên mạng viễn thông di động mặt đất	Đạt				
		8.2. Có trạm truyền thanh cơ sở đạt tiêu chuẩn quy định, cụ thể: Tiếp được sóng truyền thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh truyền hình và Báo Bình Phước, Đài truyền thanh huyện, Đài truyền thanh xã đáp ứng mục tiêu thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới tất cả các hộ gia đình trong thôn, ấp	Đạt				
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	9.1. Trong thôn, ấp không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, ấp phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m ² /người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,...được	Đạt				



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện; kiến trúc, mẫu nhà phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc; khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống theo đặc thù của từng dân tộc					
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, hợp lý. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân		Đạt			
		9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp		Đạt			
		9.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	≥ 85%			

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	Năm 2019: 38 triệu	Năm 2019: 46 triệu			

			đồng Năm 2020: 41 triệu đồng	đồng Năm 2020: 50 triệu đồng			
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Năm 2019 ≤ 8 % Năm 2020 ≤ 7 %	Năm 2019 ≤ 5 % Năm 2020 ≤ 4 %			
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, ấp	≥ 90%				
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có Tổ hợp tác hoặc câu lạc bộ được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt				
		13.2 Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, ấp theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt				

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:					
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:					
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	≥ 90%			
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình	≥ 75%	≥ 85%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		giáo dục mầm non					
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:					
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	≥ 90%			
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 60%	≥ 80%			
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 70%	≥ 90%			
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, ấp được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%				
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, ấp có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%				
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, ấp tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 90%				
		15.2. Thôn, ấp có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt				
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%				
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, ấp bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 30%				
16	Văn hóa	Thôn, ấp phải được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt				
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch				

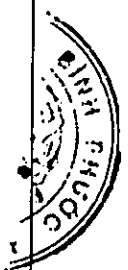
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, ấp đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%				
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, ấp; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt				
		17.4. Các hộ gia đình trong thôn, ấp tự thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt. Không còn tình trạng rác thải vứt xả bừa bãi, nước thải ra môi trường	Đạt				
		17.5. Về nghĩa trang, khu vực chôn cất của thôn, ấp: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách từ nghĩa trang đến khu dân cư trong thôn, ấp tối thiểu là 500 m; trường hợp nghĩa trang của thôn, ấp đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 500 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa trang có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường	Đạt				
		17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn,	≥ 60%	≥ 80%			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
		ấp có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh					
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.	≥ 50%	≥ 70%			
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%			
		17.9. Thôn, ấp có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”	Đạt				

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
18	Hệ thống chính trị, bình đẳng giới	18.1. Chi bộ và các đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt				
		18.2. Có Ban phát triển thôn, ấp hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt				
		18.3. Có quy ước, hương ước thôn, ấp được trên	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
		50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và cam kết thực hiện					
		18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2019-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, ấp; các nguồn nội lực của thôn, ấp; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)	Đạt				
		18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong thôn, ấp không có bạo lực gia đình	Đạt				
		18.6. Nhân dân thôn, ấp được tiếp cận pháp luật	Đạt				
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt				
		19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, ấp bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
		<p>thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, ấp được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, ấp hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.</p>					

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....
ĐOÀN THẨM ĐỊNH CÔNG NHẬN
THÔN ĐẠT CHUẨN NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-ĐTĐ

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
Và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới
của thôn

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ đề nghị của UBNDtại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm ...,

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn, Đoàn thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới huyện/thị xã/thành phố báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Thời gian thẩm định (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....



- Các nội dung đã thực hiện:

.....
- Khối lượng thực hiện:

.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn đã được
UBND huyện thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm
thẩm định là:/19 tiêu chí, đạt%.

.....
(Kèm theo biểu kết quả thẩm định các tiêu chí NTM của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-;
-

**TM. ĐOÀN THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG ĐOÀN**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của thôn, xã huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-ĐTĐ ngày / /20.... của Đoàn thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn NTM huyện))

I. QUY HOẠCH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
1	Quy hoạch	1.1. Thôn, ấp xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, ấp phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt				
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, ấp cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc	Đạt				

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
2	Giao thông	2.1. Đường trục thôn, ấp và đường liên thôn, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	>=70%	>=85%			
		2.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	>=50%	>=75%			
		2.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	>=70%	>=85%			
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, ấp đảm bảo đủ	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn					
4	Điện	4.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$	Đạt				
		4.2. Tỷ lệ đường được chiếu sáng (trên số km đường nhựa, đường BTXM của thôn, ấp) $\geq 7\%$	Đạt				
5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, ấp có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt				
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, ấp phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, ấp phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt				
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, ấp đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn là thôn, ấp đảm bảo có ít nhất 01 cơ sở kinh doanh hàng tiêu dùng thiết yếu đáp ứng nhu cầu của người dân	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
8	Thông tin và truyền thông	<p>8.1. Thôn, ấp được đáp ứng nhu cầu sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng điện cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất - Một trong hai loại dịch vụ truy cập internet: Băng rộng cố định mặt đất hoặc internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 	Đạt				
		<p>8.2. Có trạm truyền thanh cơ sở đạt tiêu chuẩn quy định, cụ thể: Tiếp được sóng truyền thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh truyền hình và Báo Bình Phước, Đài truyền thanh huyện, Đài truyền thanh xã đáp ứng mục tiêu thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới tất cả các hộ gia đình trong thôn, ấp</p>	Đạt				
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	<p>9.1. Trong thôn, ấp không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, ấp phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m²/người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,... được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện; kiến trúc, mẫu nhà phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc;</p> <p>khuyến khích phát triển</p>	Đạt				



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		loại nhà ở truyền thống theo đặc thù của từng dân tộc					
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, hợp lý. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân	Đạt				
		9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp	Đạt				
		9.4. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	≥ 85%			

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	Năm 2019: 38 triệu đồng Năm 2020: 41 triệu đồng	Năm 2019: 46 triệu đồng Năm 2020: 50 triệu đồng			
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Năm 2019 ≤ 8 % Năm 2020 ≤ 7 %	Năm 2019 ≤ 5 % Năm 2020 ≤ 4 %			

12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, ấp	≥ 90%			
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có Tổ hợp tác hoặc câu lạc bộ được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt			
		13.2 Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, ấp theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt			

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:					
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:					
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	≥ 90%			
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	≥ 75%	≥ 85%			
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:					
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	≥ 90%			
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 60%	≥ 80%			
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 70%	≥ 90%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, ấp được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề		≥ 70%			
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, ấp có việc làm đã qua đào tạo nghề		≥ 25%			
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, ấp tham gia các loại hình bảo hiểm y tế		≥ 90%			
		15.2. Thôn, ấp có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.		Đạt			
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng		≥ 97%			
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, ấp bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		≤ 30%			
16	Văn hóa	Thôn, ấp phải được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định		Đạt			
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch		≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch			
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, ấp đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường		100%			
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, ấp; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp		Đạt			
		17.4. Các hộ gia đình trong thôn, ấp tự thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt. Không còn tình trạng rác thải vứt xả		Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
		bừa bãi, nước thải ra môi trường					
		17.5. Về nghĩa trang, khu vực chôn cất của thôn, ấp: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách từ nghĩa trang đến khu dân cư trong thôn, ấp tối thiểu là 500 m; trường hợp nghĩa trang của thôn, ấp đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 500 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa trang có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường	Đạt				
		17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, ấp có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	≥ 60%	≥ 80%			
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.	≥ 50%	≥ 70%			
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%			
		17.9. Thôn, ấp có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia	Đạt				



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
		đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”					

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBK	Thôn, ấp còn lại			
18	Hệ thống chính trị, bình đẳng giới	18.1. Chi bộ và các đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt				
		18.2. Có Ban phát triển thôn, ấp hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt				
		18.3. Có quy ước, hương ước thôn, ấp được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và cam kết thực hiện	Đạt				
		18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2019-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, ấp; các nguồn nội lực của thôn, ấp; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)	Đạt				
		18.5. Có 100% phụ nữ	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
		nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong thôn, ấp không có bạo lực gia đình					
		18.6. Nhân dân thôn, ấp được tiếp cận pháp luật	Đạt				
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt				
		19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, ấp bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, ấp được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, ấp hoạt động thường	Đạt				

(Handwritten signature or stamp)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, ấp		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Thôn, ấp ĐBKK	Thôn, ấp còn lại			
		xuyên, có hiệu quả.					

Mẫu số 08:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN

Hôm nay, ngày ...tháng ... năm ...tại thôn ...xã ...Ban Công tác Mặt trận thôn tổ chức hội nghị dân cư để lấy ý kiến thống nhất về việc đề nghị xét, công nhận thôn...đạt chuẩn nông thôn mới năm...

- Chủ trì Hội nghị: *(Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn ghi rõ họ, tên, chức danh):.....*

- Thư ký Hội nghị: *(ghi rõ họ, tên, chức danh)*

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: *(Đại diện các hộ gia đình trong thôn).*

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn:hộ

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị:....hộ, chiếm. ..% số hộ trong thôn.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà).....*(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn)* thông qua Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới thôn

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của đại diện các hộ gia đình trong thôn.

+

3. Ban Công tác Mặt trận thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm *(bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy phiếu, nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu).*

Kết quả lấy ý kiến:

+ Ý kiến thống nhất: người *(phiếu)*, chiếm%.

+ Ý kiến không thống nhất:người *(phiếu)*, chiếm%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: *(mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất).*

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi.....giờ.....phút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ Biên bản thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn của Đoàn thẩm tra tiêu chí thôn nông thôn mới;

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển nông thôn mới thôn Về việc đề nghị thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND (huyện/thị xã/thành phố, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tổ thẩm tra tiêu chí thôn nông thôn mới ... báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn....

.....

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ...%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện/thị xã/thành phố bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp xét, đề nghị công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, ấp đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

Căn Cứ đề nghị của UBNDtại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ...về việc thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày .../.../..... tại, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện/thị xã/thành phố (tỉnh) tổ chức họp xét, đề nghị công nhận thônđạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác;
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đoàn thẩm định, công nhận tiêu chí thôn nông thôn mới huyện/thị xã/thành phố ... báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn.....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn.....

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày .../.../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ...%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện/thị xã/thành phố; UBND huyện/thị xã/thành phố lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới trình Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)